

## Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

### NGHIÊN CỨU CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI HIỆP ĐỊNH CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ GỢI Ý QUAN ĐIỂM ĐÀM PHÁN CỦA VIỆT NAM (VÒNG ĐÀM PHÁN DOHA)

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về chống bán phá giá của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhằm cung cấp cho Đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam những phân tích về các khía cạnh khác nhau của các đề xuất sửa đổi Hiệp định chống bán phá giá (Hiệp định ADA) và gợi ý quan điểm đàm phán thích hợp của Việt Nam về vấn đề liên quan phù hợp với lợi ích của Việt Nam nói chung và lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói riêng.

#### I. Về quá trình đàm phán sửa đổi Hiệp định ADA

Sửa đổi các quy định của Hiệp định ADA là một trong những nội dung đàm phán thuộc Chương trình nghị sự Vòng Đoha (DDA) về đàm phán các quy tắc của WTO (bao gồm các nội dung sau: *Chống bán phá giá; Trợ cấp/các biện pháp đối kháng; Các hiệp định thương mại khu vực; và Trợ cấp thủy sản*).

Việc đàm phán các vấn đề về quy tắc của WTO được thực hiện theo các *cách thức tiếp cận* cơ bản sau:

- "Trọn gói" (single undertaking): các kết quả đàm phán về các vấn đề quy tắc của WTO phải là một phần của tổng thể gói đàm phán của Vòng Đoha;
- Các vấn đề về quy tắc của WTO được đàm phán trong khuôn khổ một nhóm công tác mới thành lập: Nhóm Đàm phán về quy tắc và Nhóm này được đặt dưới sự chỉ đạo chung của Ủy ban Đàm phán Thương mại WTO (TNC);
- Đàm phán được rộng mở cho các thành viên WTO và các quan sát viên, nhưng quyết định chỉ được đưa ra bởi các nước Thành viên.

Là thành viên của WTO vào thời điểm quá trình thảo luận đàm phán sửa đổi này đi vào giai đoạn cuối, Việt Nam có cơ hội để thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề của Hiệp định này và tham gia vào việc hình thành những nguyên tắc mới của Hiệp định theo hướng phù hợp với lợi ích quốc gia, trong đó có quyền lợi của cộng đồng doanh nghiệp.

## II. Về quan điểm tiếp cận trong đàm phán sửa đổi Hiệp định ADA

Vấn đề chống bán phá giá có thể ảnh hưởng đến Việt Nam từ cả hai góc độ: *chủ thể đi kiện* (khi Việt Nam tiến hành một vụ kiện chống bán phá giá với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam) và *chủ thể bị kiện* (khi hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với các vụ kiện và thuế chống bán phá giá ở nước ngoài).

Theo logic thông thường, lợi ích của chủ thể đi kiện và bị kiện mâu thuẫn nhau. Một quy định có lợi cho người đi kiện sẽ cơ bản không có lợi cho người bị kiện và ngược lại. Do đó, để có quan điểm rõ ràng trong đàm phán sửa đổi các quy định của WTO về vấn đề này, Việt Nam cần thực hiện lựa chọn “vị trí ưu tiên” (người đi kiện hay người bị kiện) để từ đó có quan điểm chiến lược đàm phán thống nhất và thích hợp.

Từ góc độ lợi ích chung của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, của người tiêu dùng và cả của Nhà nước, có lẽ Việt Nam nên **đứng về phía lợi ích của bên bị kiện trong đàm phán ADA**. Lựa chọn này là phù hợp ít nhất vì những lý do sau:

### (i) *Nguy cơ bị kiện ở nước ngoài là rất lớn*

Hiện tại Việt Nam đang là một nền kinh tế hàng hóa hướng mạnh vào xuất khẩu. Hoạt động xuất khẩu đang được khuyến khích bằng các nỗ lực mở rộng thị trường quốc tế qua các hoạt động xúc tiến thương mại và những cố gắng nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu (mà chủ yếu là trong việc sản xuất hàng hóa). Trên các thị trường xuất khẩu, với giá cả hợp lý, nhiều mặt hàng của Việt Nam có sức cạnh tranh tương đối mạnh. Trong hoàn cảnh này, có thể suy đoán rằng lượng xuất khẩu của Việt Nam sẽ gia tăng, đặc biệt ở những thị trường xuất khẩu trọng điểm. Sự tăng trưởng này, cùng với xu hướng cạnh tranh bằng giá (mà về cơ bản chưa thể chuyển đổi ngay trong tương lai gần), xuất khẩu Việt Nam chắc chắn sẽ phải sẵn sàng cho những nguy cơ kiện chống bán phá giá ở các thị trường xuất khẩu, đặc biệt trong hoàn cảnh kinh tế thế giới đang tăng trưởng chậm, ngành sản xuất nội địa của nhiều thị trường nhập khẩu hàng của Việt Nam đang gặp khó khăn.

### (ii) *Khả năng khởi kiện nhiều ở trong nước không lớn*

Theo các cam kết WTO, thị trường Việt Nam đang mở rộng dần cho hàng hóa nước ngoài. Vì vậy, nguy cơ hàng nước ngoài nhập khẩu bán phá giá vào Việt Nam gây thiệt hại cho sản xuất nội địa cũng từ đó tăng lên. Tuy nhiên, nguy cơ này không lớn hơn quá nhiều so với trước khi Việt Nam gia nhập WTO bởi một phần lớn hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là từ các nước trong khu vực, vốn đã dễ dàng tiếp cận thị trường Việt Nam từ những năm trước đó theo các cam kết

CEPT/AFTA, ACFTA, AKFTA... hoặc theo các kênh thương mại có nguồn gốc từ Trung Quốc. Vì vậy, khả năng sẽ có một lượng lớn các vụ kiện chống lại hàng hóa nước ngoài bán phá giá ở Việt Nam để bảo vệ lợi ích hợp pháp của các ngành sản xuất trong nước là không lớn, ít nhất là trong tương lai gần.

Bên cạnh đó, khả năng các ngành sản xuất của Việt Nam có thể đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để có thể nộp đơn khởi kiện thành công ở trong nước vẫn còn rất mơ hồ. Công tác thống kê, lưu trữ số liệu hàng hóa nhập khẩu, các nhà xuất khẩu nước ngoài cũng như những thống kê toàn cảnh về thực trạng sản xuất trong nước, những thiệt hại đã và đang phải chịu từ việc hàng hóa nước ngoài nhập khẩu bán phá giá và thậm chí cả kiến thức chung về chống bán phá giá ở các doanh nghiệp, hiệp hội còn hạn chế. Những khó khăn này chưa thể giải quyết ngay trong ngày một ngày hai, do đó không phải ngành nào cũng sẵn sàng khởi kiện trong tương lai gần.

Bên cạnh đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vấn đề này của Việt Nam vẫn còn cần phải có thêm thời gian bồi dưỡng năng lực thì mới có thể xử lý được nhiều vụ kiện chống bán phá giá.

Vì vậy, trong thời gian sắp tới, sẽ khó có thể có nhiều vụ kiện chống bán phá giá ở Việt Nam chống lại hàng hóa nước ngoài nhập khẩu.

**(iii) Những thiệt hại thực tế và lớn cần được ưu tiên xử lý trước**

Thiệt hại từ các vụ kiện chống bán phá giá ở nước ngoài (vụ kiện thực tế<sup>1</sup> hoặc mới chỉ là nguy cơ<sup>2</sup>) là rất đáng kể và có ảnh hưởng đến một số lượng lớn các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội (do các ngành xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam hiện nay đều là những ngành sử dụng nhiều lao động và mức lương thấp).

Trong khi đó, những thiệt hại từ việc hàng hóa nhập khẩu bán phá giá gây ra cho sản xuất trong nước chưa tính toán được. Ngoài ra, do pháp luật Việt Nam còn yêu cầu việc tính đến lợi ích của người tiêu dùng và các lợi ích chung khác trước khi áp thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa nước ngoài, thiệt hại gây ra (nếu có) với ngành sản xuất trong nước còn cần được cân bằng với lợi ích của các nhóm khác có liên quan.

Với những lý do trên, các đề xuất đàm phán sửa đổi Hiệp định ADA dưới đây sẽ được thực hiện trên quan điểm vì lợi ích của bên bị kiện trong các vụ kiện

---

<sup>1</sup> Ví dụ 26 vụ kiện chống bán phá giá mà hàng hóa xuất khẩu Việt Nam đã phải đối mặt trong từ 1994 đến nay (đặc biệt những vụ việc lớn gần đây như kiện chống bán phá giá cá tra/basa và tôm tại Hoa Kỳ, kiện chống bán phá giá giày mũi da tại EU...).

<sup>2</sup> Ví dụ Cơ chế giám sát hàng dệt may Việt Nam của Hoa Kỳ và nguy cơ kiện chống bán phá giá đối với mặt hàng này.

chống bán phá giá là chủ yếu (với một số ít các trường hợp đề xuất sửa đổi mang lại lợi ích chung cho cả quá trình điều tra nói chung).

## **II. Về những đề xuất đàm phán sửa đổi cụ thể**

Trong số các biện pháp khắc phục thương mại (trade remedies) mà WTO cho phép, chống bán phá giá là công cụ được sử dụng nhiều nhất và cũng là đối tượng bị kiện nhiều nhất trong khuôn khổ Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO. Vì vậy, có thể hiểu vì sao đàm phán sửa đổi Hiệp định này nhận được sự quan tâm của nhiều nước thành viên WTO (thể hiện qua số lượng đặc biệt lớn và nhiều chiều các đề xuất và kiến nghị sửa đổi từ các nước đi kiện nhiều nhất và cả những nước bị kiện nhiều nhất). Việt Nam chưa chính thức đưa ra đề xuất nào cụ thể. Tuy nhiên những đề xuất hiện tại đối với Hiệp định cũng đã đề cập đến hầu hết các chủ đề quan trọng đối với Việt Nam.

Do đó, những phân tích dưới đây chủ yếu tập trung vào việc đánh giá những đề xuất đang có về những vấn đề quan trọng đối với Việt Nam và gợi ý quan điểm đàm phán nên có của Việt Nam về vấn đề liên quan phù hợp với lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp và các chủ thể liên quan (từ góc độ bên bị kiện là chủ yếu).

Do các đề xuất sửa đổi Hiệp định ADA rất lớn, đi vào nhiều chi tiết cụ thể của Hiệp định này (với cách tiếp cận khác nhau, nhiều khi là mâu thuẫn), việc phân tích tất cả các đề xuất có lẽ là không khả thi. Vì vậy, phân tích dưới đây sẽ bao gồm 02 phần chủ yếu: (i) những đề xuất sửa đổi về những vấn đề quan trọng nhất với Việt Nam, và (ii) những đề xuất sửa đổi về các vấn đề khác mà Việt Nam có thể tham gia.

### **1. Nhóm các đề xuất sửa đổi những vấn đề quan trọng**

#### **(i) Vấn đề zeroing**

Zeroing, một thông lệ tính toán biên độ phá giá trong đó cho phép quy về 0 tất cả các giao dịch có biên độ phá giá âm, là phương pháp gây tranh cãi nhiều nhất trong thực tế kiện chống bán phá giá trong thời gian qua ở một số nước thành viên WTO (trong đó có Hoa Kỳ). Trong đàm phán sửa đổi ADA, nhiều nước đã đưa đề xuất về vấn đề này, với 2 nhóm quan điểm trái ngược: hoặc là bổ sung quy định về zeroing theo hướng cho phép sử dụng công cụ này hoặc là cấm sử dụng zeroing.

*Từ góc độ thực tiễn*, từng bị kiện chống bán phá giá ở các nước có thông lệ sử dụng phương pháp zeroing, Việt Nam (và các nước đã từng bị áp dụng phương pháp này) đã phải chịu những thiệt hại không nhỏ từ phương pháp zeroing này. Cụ thể:

- Chỉ tính đến các giao dịch có bán phá giá khi tính toán biên phá giá bình quân của tất cả các giao dịch, zeroing đã khiến cho kết quả tính toán biên phá giá bị đẩy lên cao so với thực tế (do những giao dịch có biên phá giá âm không được sử dụng để bù đắp cho các giao dịch có biên phá giá dương).

Ví dụ, trong vụ kiện tôm của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ, theo tính toán, nếu Hoa Kỳ không áp dụng cách tính zeroing, thì kết quả sẽ là các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam không bán phá giá (biên phá giá -9%). Trong khi đó, với cách tính zeroing, biên phá giá được tính thành 4.13 – 25.76% (và đây cũng là mức thuế chống bán phá giá áp dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam).

- Từ việc làm lệch kết quả tính toán biên phá giá theo hướng bất lợi cho nhà xuất khẩu, phương pháp zeroing đã khiến các nhà xuất khẩu chịu những thiệt hại vật chất nặng nề (do phải chịu thuế chống bán phá giá cao và các hệ quả vật chất khác từ việc áp thuế như phải ký quỹ một khoản tiền rất lớn). Điều này đi ngược lại nguyên tắc công bằng vốn được xem là khởi nguồn của việc sử dụng công cụ chống bán phá giá (chống lại hành vi cạnh tranh không lành mạnh và chấm dứt những thiệt hại do việc này gây ra cho ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu).

Cũng trong vụ kiện tôm, từ chỗ có thể không phải nộp thuế nếu phương pháp zeroing không áp dụng (do biên phá giá theo tính toán trong trường hợp này là -9%, tức là rất xa so với mức có thể bị áp thuế, 2%), doanh nghiệp Việt Nam không những phải nộp hàng triệu đô la Mỹ tiền thuế chống bán phá giá mỗi năm, phải chịu gánh nặng về tài chính của quy định Ký quỹ liên tục (continuous bonds) mà Hải quan Hoa Kỳ áp dụng đối với mặt hàng tôm nhập khẩu từ Việt Nam mà còn phải đối mặt với gánh nặng của các kỳ rà soát lại mức thuế theo thủ tục hành chính hàng năm của Luật chống bán phá giá Hoa Kỳ.

Vì vậy, từ góc độ thực tiễn, có thể thấy Việt Nam cần có tiếng nói tích cực trong việc đề nghị đưa vào Hiệp định ADA quy định rõ ràng hoặc tạo ra hệ quả cấm sử dụng phương pháp zeroing trong các điều tra chống bán phá giá (kể cả điều tra ban đầu lẫn các điều tra trong quá trình rà soát giữa kỳ hoặc cuối kỳ) nhằm bảo vệ các doanh nghiệp của mình tránh khỏi những thiệt hại rất lớn và bất công từ các vụ kiện chống bán phá giá có sử dụng phương pháp này.

**Từ góc độ lý thuyết**, thông lệ sử dụng phương pháp zeroing cũng không có căn cứ vững chắc trong Hiệp định ADA, nếu không nói là trái với các nguyên tắc hiện hành. Vì vậy việc phản đối việc sử dụng phương pháp này là hoàn toàn hợp pháp và có sức thuyết phục cao. Cụ thể:

- Bỏ qua những giao dịch có biên phá giá âm, phương pháp zeroing không tuân thủ quy định tại Điều 2.4.2 Hiệp định ADA (theo đó cơ quan điều tra phải “so sánh giữa giá trị bình quân gia quyền thông thường với giá bình quân gia quyền của **tất cả** các giao dịch xuất khẩu có thể so sánh được hoặc thông qua so sánh giữa giá trị thông thường với giá xuất khẩu trên cơ sở từng giao dịch”). Thay vì việc so sánh giá trị của tất cả các giao dịch liên quan, zeroing chỉ tính đến các các giao dịch có biên phá giá dương. Với tính chất như vậy, phương pháp này cũng bỏ qua nguyên tắc “so sánh công bằng” quy định tại Điều khoản này của Hiệp định.
- Việc áp dụng trong phương pháp zeroing trong thông lệ điều tra rà soát của một số nước có thể không phù hợp với Điều 2.4.2 theo đó nguyên tắc so sánh công bằng, tính đến tất cả các giao dịch phải được áp dụng trong suốt quá trình điều tra (mà theo cách hiểu thông thường thì hoạt động điều tra chống bán phá giá thì không dừng lại ở việc áp thuế chống bán phá giá).
- Với những hệ quả tạo ra (làm thiên lệch kết quả về biên phá giá, khiến thực tiễn áp dụng các biện pháp chống bán phá giá trầm trọng hơn cả về số lượng và mức độ) phương pháp zeroing trong nhiều trường hợp có thể tạo ra tác động làm giảm và/hoặc vô hiệu hóa nguyên tắc tự do hóa thương mại, một kim chỉ nam của WTO.
- Phương pháp zeroing cũng đã bị tuyên là trái với các nguyên tắc liên quan của WTO trong một loạt các vụ kiện trong khuôn khổ Cơ chế giải quyết tranh chấp của tổ chức này và đã bị yêu cầu phải dỡ bỏ.

Từ các lý do nêu trên, có thể thấy việc phản đối phương pháp zeroing là có căn cứ từ chính những nguyên tắc cơ bản đã được thừa nhận rộng rãi trong WTO liên quan đến vấn đề này. Vì vậy có lập luận hợp pháp và thuyết phục để Việt Nam lên tiếng phản đối phương pháp zeroing.

**Trên thực tế đàm phán**, liên quan đến vấn đề này, có cả một nhóm 12 nước phản đối thông lệ sử dụng phương pháp zeroing và đề xuất điều chỉnh Hiệp định ADA để cấm việc sử dụng phương pháp này theo hướng:

- Cấm sử dụng phương pháp zeroing trong tất cả các phương pháp tính toán biên độ phá giá;
- Cấm sử dụng zeroing đối với tất cả các trường hợp (từ điều tra ban đầu đến điều tra rà soát giữa kỳ, cuối kỳ, điều tra với nhà xuất khẩu mới) (Điều 9.3, 9.5, 11.2 và 11.3).

Như vậy, nếu Việt Nam có thái độ rõ ràng về vấn đề này thì khả năng ủng hộ cũng rất cao và khả năng đạt được mục tiêu cũng lớn (mặc dù quan điểm của Hoa Kỳ, nước sử dụng thường xuyên thông lệ này, là khá cứng rắn trong việc bảo vệ phương pháp này).

Với các lý do nêu trên, Đoàn đàm phán Việt Nam cần thể hiện rõ quan điểm ủng hộ việc ***cấm sử dụng zeroing dưới mọi hình thức***. Việc cấm này cần được nêu càng rõ ràng càng tốt trong lời văn của Hiệp định nhằm tránh những thực tế giải thích khác như đã chứng kiến trong những năm áp dụng vừa rồi.

## **(ii) Vấn đề lẩn tránh thuế (circumvention)**

Điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá là một trong những biện pháp mà một số nước thành viên WTO sử dụng nhằm để hạn chế và phản ứng lại hiện tượng một số nhà xuất khẩu cố ý lẩn tránh thuế chống bán phá giá áp dụng đối với mình. Việc lẩn tránh thuế được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, ví dụ xuất hàng dưới tên một nhà xuất khẩu khác có mức thuế thấp hơn, xuất hàng dưới xuất xứ của một nước khác, thực hiện những thay đổi không đáng kể đối với hàng hóa xuất khẩu, thay đổi cách thức nhập khẩu (từ nhập khẩu hàng nguyên chiếc chuyển sang nhập khẩu thiết bị để lắp ráp sau khi nhập...)... WTO không đề cập đến vấn đề này trong Hiệp định ADA, vì vậy đây là vấn đề còn đề nghị và trên thực tế một số nước đã quy định về vấn đề này. Điều tra chống lẩn tránh thuế là vấn đề được đưa ra bàn thảo tại Vòng Doha về ADA với 2 luồng ý kiến trái ngược. Một bên là nhóm nước ủng hộ việc bổ sung một Điều khoản mới về vấn đề này trong ADA (Điều 9bis – quy định về các điều kiện và các thức tiến hành điều tra chống lẩn tránh thuế) và bên kia là nhóm các nước phản đối điều tra chống lẩn tránh thuế.

***Từ góc độ thực tiễn***, điều tra chống lẩn tránh thuế đã và sẽ gây ra nhiều bất lợi cho Việt Nam từ nhiều khía cạnh:

### **- Nguy cơ bị điều tra tăng lên đáng kể:**

Có vị trí địa lý cạnh Trung Quốc và một số nước có nền kinh tế xuất khẩu mạnh vốn là đối tượng của nhiều vụ kiện chống bán phá giá, Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ trở thành nạn nhân bất đắc dĩ của hiện tượng lẩn tránh thuế chống bán phá giá. Bên cạnh những hiện tượng gian lận xuất xứ, nhiều trường hợp bị xem là “lẩn tránh thuế” được thực hiện một cách hợp pháp (thông qua các hình thức đầu tư nước ngoài của các doanh nghiệp vốn phải chịu thuế chống bán phá giá ở Việt Nam) – và những trường hợp như vậy rất khó tránh trong hoàn cảnh Việt Nam đang rất nỗ lực mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sản xuất, kinh doanh<sup>3</sup>.

---

<sup>3</sup> Trong khi đó, việc lựa chọn đầu tư FDI như thế nào (chấp nhận tất cả hay có chọn lọc các dự án đầu tư) lại thuộc về chính sách đầu tư của Việt Nam và phải do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xử lý chứ không thể và không nên giải quyết bằng các quy định về kiện chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá của nước ngoài.

Trên thực tế, trong số 26 vụ kiện chống bán phá giá mà hàng hóa xuất khẩu VN phải đối mặt ở nước ngoài, có tới 4 vụ<sup>4</sup> được thực hiện trong khuôn khổ điều tra chống lẩn tránh thuế<sup>5</sup>. Thực tế này sẽ không sáng sủa hơn trong tương lai khi mà Trung Quốc và một số nước trong khu vực vẫn dẫn đầu danh sách các nước bị kiện chống bán phá giá nhiều nhất và cũng là những nước có lượng đầu tư nước ngoài đáng kể vào Việt Nam.

Quan sát tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và mối liên hệ với các vụ kiện chống bán phá giá cũng cho thấy có xu hướng là một số nhà đầu tư đã chuyển cơ sở sản xuất sang Việt Nam để tránh thuế chống bán phá giá; nhưng hàng hoá của họ sản xuất tại Việt Nam sau đó cũng bị áp thuế chống bán phá giá.

- ***Thiệt hại từ các vụ điều tra chống lẩn tránh thuế lớn:***

Khi bị điều tra chống lẩn tránh thuế, không chỉ các nhà sản xuất có hiện tượng lẩn tránh thuế bị điều tra mà tất cả các nhà sản xuất, xuất khẩu đang và sẽ xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam cũng sẽ bị liên quan. Điều này có nghĩa là họ bị điều tra, có thể bị áp thuế và phải tham gia vào tất cả những thủ tục rà soát sau đó chỉ vì lỗi, nếu có, của một số rất nhỏ các nhà sản xuất nước ngoài. Đây là một thiệt hại lớn, ở diện rộng và rất vô lý đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Trên thực tế, nếu không có cơ chế này, nước nhập khẩu vẫn hoàn toàn có thể khởi kiện chống bán phá giá theo thủ tục thông thường với hàng Việt Nam. Tuy nhiên, thủ tục kiện thông thường đòi hỏi nhiều yêu cầu mà không phải lúc nào ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu cũng có thể đáp ứng được (chứ không phải trình tự tương đối đơn giản, rút gọn như thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế mà một số nước áp dụng hiện nay) và do đó cũng làm giảm bớt đáng kể nguy cơ bị kiện so với trường hợp điều tra chống lẩn tránh thuế. Hơn nữa, một thủ tục điều tra mới sẽ cho phép áp dụng mức thuế sát với đối tượng bị áp thuế hơn là điều tra lẩn tránh thuế (đối tượng bị điều tra lẩn tránh thuế có thể bị áp mức thuế áp dụng cho vụ kiện ban đầu). Ngoài ra, thủ tục điều tra mới sẽ khó có thể tiến hành với một loại sản phẩm Việt Nam khi Việt Nam xuất khẩu sản phẩm đó với số lượng rất ít (dưới mức *negligible*) sang thị trường liên quan trong khi nếu là điều tra chống lẩn tránh thuế, việc này hoàn toàn có thể thực hiện được.

- ***Khả năng Việt Nam sử dụng cơ chế này không lớn***

---

<sup>4</sup> Bạt lửa ga Thổ Nhĩ Kỳ 2007; Đèn huỳnh quang EU 2004 ; Vòng khuyên kim loại EU 2004; Ô xít kẽm EU 2003

<sup>5</sup> Theo quan sát thì phần lớn các vụ kiện chống bán phá giá mà EU tiến hành đối với Việt Nam đều gắn liền với xuất khẩu của Trung Quốc và trong tất cả các vụ việc liên quan (trừ vụ giấy mũi da) những mặt hàng bị kiện đều là những mặt hàng Việt Nam xuất khẩu chưa nhiều và chủ yếu đều do các doanh nghiệp FDI sản xuất, xuất khẩu. Ở đây có chuyện về việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ các nước đang bị đánh thuế chống bán phá giá sang các nước khác. Và việc này về cơ bản là rất khó tránh khỏi bởi nó là một tính toán kinh tế tự nhiên của hoạt động đầu tư nước ngoài.

Phần lớn những đề xuất ủng hộ bổ sung quy định về điều tra chống lẩn tránh thuế xuất phát từ các nước áp thuế chống bán phá giá nhiều và bị xem là thiệt hại từ hiện tượng lẩn tránh thuế. Tuy nhiên, Việt Nam hiện không nằm trong nhóm này (chưa tiến hành vụ kiện nào), và tương lai cũng khó nằm trong nhóm này (vì những lý do đã phân tích ở trên liên quan đến khả năng kiện chống bán phá giá ở Việt Nam).

Vì vậy, việc bổ sung cơ chế điều tra chống lẩn tránh thuế (với mục tiêu chủ yếu là đối phó với tình trạng thuế chống bán phá giá bị làm giảm hiệu lực và mục tiêu của việc áp thuế không đạt được do hiện tượng lẩn tránh thuế) không có nhiều ý nghĩa thực tiễn với Việt Nam từ góc độ nước đi kiện. Trong khi đó thiệt hại mà nó gây ra đối với Việt Nam (với tư cách là bên bị kiện) lại rất lớn và rõ ràng.

Với những lý do này, rõ ràng việc pháp điển hóa trình tự điều tra chống lẩn tránh thuế theo hướng thừa nhận rộng rãi quy trình này là một bất lợi với phía Việt Nam. Thậm chí, việc giữ nguyên quy định như hiện tại cũng là một bất lợi (do WTO trao quyền quá rộng cho các nước thành viên trong việc quyết định có áp dụng cơ chế này hay không). Vì vậy, sẽ là tốt nhất cho Việt Nam (từ góc độ thực tiễn) nếu có thể đề xuất bổ sung quy định về việc cấm điều tra lẩn tránh thuế vào Hiệp định. Trường hợp không đạt được mục tiêu này, ít nhất Việt Nam cũng cần bày tỏ thái độ ủng hộ những bổ sung mang tính chặt chẽ (theo hướng hạn chế cả về đối tượng điều tra cũng như mức thuế có thể bị áp trong những trường hợp này).

*Từ góc độ lý thuyết*, một số lập luận sau đây có thể sử dụng để phản đối việc điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá (và việc bổ sung quy định mới cho phép áp dụng cơ chế này vào Hiệp định):

- Điều tra chống lẩn tránh thuế dễ dàng dẫn tới việc mở rộng diện áp dụng của thuế chống bán phá giá (không chỉ đối với các trường hợp có hiện tượng lẩn tránh thực sự mà là tất cả các trường hợp khác của nước xuất khẩu liên quan). Điều này có thể dẫn tới việc kìm hãm cạnh tranh một cách bất hợp lý, đi quá xa so với mục tiêu bảo vệ ngành sản xuất nội địa khỏi các hành vi cạnh tranh không lành mạnh;
- Việc mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp chống bán phá giá thông qua điều tra chống lẩn tránh thuế có thể khiến công cụ này trở thành một loại hàng rào cản trở luồng hàng nhập khẩu, bảo hộ lợi ích của ngành sản xuất trong nước trước hàng hóa nhập khẩu mang tính phổ quát và thường xuyên (thay vì là một công cụ bất thường chỉ sử dụng trong các trường hợp đặc biệt khi có hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh từ những nguồn cụ thể). Một hình thức bảo hộ ở diện rộng như vậy khó có thể xem là phù hợp với mục tiêu tự do hóa thương mại của WTO;

- Trừ việc lẫn tránh thông qua gian lận xuất xứ, việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ nước này sang nước khác (thông qua đầu tư nước ngoài) nhằm tận dụng những lợi thế của các nước khác (trong đó có thể có cả việc không bị đánh thuế chống bán phá giá) là việc làm rất bình thường trong hoạt động đầu tư kinh doanh. Vì vậy, bản thân việc này không đáng bị trừng phạt trong điều tra chống lẫn tránh thuế. Còn nếu hoạt động xuất khẩu tại nước nhận đầu tư lại tiếp tục xảy ra hiện tượng bán phá giá gây thiệt hại tại nước nhập khẩu thì tùy thuộc mức độ phá giá và cách thức thiệt hại mà nước nhập khẩu có thể tiến hành điều tra mới với đầy đủ các điều kiện liên quan (chứ không phải điều tra chống lẫn tránh thuế).

Từ những lý do nêu trên, sẽ là hợp lý nếu Việt Nam giữ thái độ phản đối đối với điều tra chống lẫn tránh thuế nói chung và đối với việc bổ sung các quy định về lẫn tránh thuế mang tính mở rộng (phổ quát trong nhiều trường hợp) nói riêng. Khả năng tốt nhất là ủng hộ việc đưa quy định ***cấm điều tra chống lẫn tránh thuế*** vào Hiệp định. Khả năng này nếu không thể thì Việt Nam cần cố gắng để bổ sung các quy định về lẫn tránh thuế vào Hiệp định theo ***hướng hạn chế tối đa diện áp dụng*** của nó (không nên để tình trạng như hiện nay – Hiệp định không đề cập gì và vì thế trao quyền quyết định quá lớn cho các nước thành viên dẫn tới khả năng bị lạm dụng trong quá trình áp dụng).

### **(iii) Nguyên tắc thuế thấp hơn biên phá giá (lesser duty)**

Nguyên tắc thuế thấp hơn biên phá giá (lesser duty) là một trong những nguyên tắc áp thuế chống bán phá giá trong Hiệp định ADA (Điều 9) theo đó các nước có thể xem xét áp thuế chống bán phá giá theo mức thấp hơn biên phá giá nếu mức đó đã đủ để cho phép ngành sản xuất nội địa liên quan không bị thiệt hại nữa (tức là mức thuế chống bán phá giá sẽ được áp dụng theo mức thấp hơn trong hai mức - biên độ phá giá và biên độ thiệt hại). Là nguyên tắc mang tính tùy nghi, lesser duty có được áp dụng hay không phụ thuộc vào quyền lựa chọn của từng nước thành viên WTO. Trong đàm phán sửa đổi ADA, một số ý kiến đã đề nghị đưa nguyên tắc này trở thành nguyên tắc áp dụng bắt buộc.

Đối với Việt Nam, từ góc độ của bên bị kiện, nguyên tắc lesser duty nếu được áp dụng sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu liên quan. Cụ thể:

- ***Cơ hội để giảm mức thuế chống bán phá giá***

Đối với doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nước ngoài khi bị kiện, khả năng bị tuyên bán phá giá gây thiệt hại và bị áp thuế là rất lớn<sup>6</sup>. Vì thế cơ hội còn lại với họ là làm sao có được mức thuế chống bán phá giá thấp nhất có thể.

<sup>6</sup> Thống kê của WTO đến ngày 31/12/2007 cho thấy có đến 63,8% (2049/3210 vụ) các vụ điều tra được tiến hành ở tất cả các thành viên WTO đi đến kết quả có áp thuế chống bán phá giá. Ở Hoa Kỳ con số này là 60,9% (245/402 vụ), EU là 65,5% (244/372 vụ).

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, đối tượng bị áp dụng biện pháp tính toán bất lợi do bị xem là đến từ nước có nền kinh tế phi thị trường, việc được xem xét áp thuế ở mức thấp hơn biên phá giá nếu đã đủ bù đắp thiệt hại gây ra càng có ý nghĩa hơn nữa.

Ví dụ trong vụ kiện EU tiến hành chống lại giày mũi da của Việt Nam, mặc dù biên độ phá giá đối với sản phẩm giày mũi da có xuất xứ từ Việt Nam là 70.1%<sup>7</sup>, nhưng bằng việc áp dụng nguyên tắc lesser duty, mức thuế chống bán phá giá chính thức áp dụng cho sản phẩm này 10% (do biên độ thiệt hại mà hàng hoá nhập khẩu bị bán phá giá từ Việt Nam gây ra cho ngành sản xuất giày EU là 10%).

- ***Cơ hội để phân tách mức độ thiệt hại gây ra cho ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu bởi hàng hóa từ Việt Nam và từ các nước xuất khẩu khác***

Quan sát các vụ kiện chống bán phá giá trên thế giới gần đây có thể thấy việc kiện thường được tiến hành theo “chùm” – kiện cùng lúc hàng hóa từ nhiều nước xuất khẩu. Thực tế một số vụ kiện chống bán phá giá của Việt Nam cho thấy mặc dù hàng Việt Nam chiếm tỷ lệ không lớn trong tổng lượng nhập khẩu so với một số nước khác nhưng do lo ngại chung về nguy cơ hàng nhập khẩu bán phá giá gây thiệt hại nên nhiều nước nhập khẩu đã kiện cả chùm (mặc dù quy mô nhập khẩu và cơ chế bán hàng của Việt Nam và các nước có lượng xuất khẩu lớn hơn không giống nhau). Nếu việc áp thuế được xác định theo lesser duty, tức là theo biên độ thiệt hại (nếu biên độ thiệt hại thấp hơn biên độ phá giá) và biên độ thiệt hại được xác định riêng cho hàng hóa nhập khẩu từ mỗi nước xuất khẩu thì việc bóc tách sẽ được thực hiện, tạo điều kiện để phân biệt mức độ ảnh hưởng từ hàng hóa của Việt Nam (với tỷ trọng thấp, do đó biên độ thiệt hại gây ra có thể hy vọng là không quá cao) với ảnh hưởng từ các nước xuất khẩu khác. Đây là yếu tố có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong những vụ kiện mà Việt Nam bị kiện cùng với những nước xuất khẩu lớn.

Trong vụ kiện giày mũi da của Việt Nam ở EU, việc xác định mức thuế theo biên độ thiệt hại (thấp hơn biên phá giá) đã cho kết quả mức thuế áp dụng cho Việt Nam là 10% (so với biên phá giá 70,1%), cho Trung Quốc là 16,5% (so với biên phá giá là 28,9%). Điều này cho thấy khi nguyên tắc lesser duty được áp dụng và biên độ thiệt hại được bóc tách giữa các nước, kết quả xác định cho từng nước sẽ khác nhau và phù hợp hơn với tỷ trọng nhập khẩu và tác động của lượng nhập khẩu lên ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu<sup>8</sup>.

<sup>7</sup> Xem Council Regulation No 1472/2006 ngày 05 tháng 10 năm 2006, trang 16

<sup>8</sup> Điều này rất quan trọng với Việt Nam bởi trên thực tế, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam bị nước nhập khẩu đưa vào diện « cần dè chừng » và có thể phải đối mặt với các biện pháp khắc phục thương mại (trade remedies) không phải vì bản thân mỗi nguy cơ mà hàng nhập khẩu Việt Nam mang đến cho ngành

Tất nhiên, trên thực tế, không phải khi nào kết quả điều tra biên độ thiệt hại cũng ở mức thấp hơn biên phá giá. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, mọi khả năng có thể để giảm bớt mức thuế chống bán phá giá bị áp đặt đều rất có ý nghĩa, đặc biệt trong hoàn cảnh Việt Nam còn phải chấp nhận quy chế nền kinh tế phi thị trường đến 2018, một quy chế rất bất lợi khi tính biên độ phá giá.

Hơn nữa, về nguyên tắc, Hiệp định ADA đã khuyến khích các nước thành viên sử dụng nguyên tắc lesser duty và việc này là phù hợp với mục tiêu của biện pháp chống bán phá giá là bù đắp những thiệt hại do việc hàng nhập khẩu bán phá giá gây ra cho ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu mà không cản trở dòng lưu chuyển thương mại bình thường. Hiện tại một số thành viên WTO cũng đang áp dụng nguyên tắc này (EU, Ấn Độ).

Vì vậy, trong đàm phán sửa đổi, Việt Nam cần ủng hộ triệt để việc đưa *nguyên tắc lesser duty* từ một nguyên tắc tùy nghi lựa chọn thành *nguyên tắc bắt buộc áp dụng* đối với tất cả các nước thành viên hoặc ít nhất là đối với các nước bị khiếu kiện là nước đang phát triển.

#### (iv) “Lợi ích công cộng” (Public interest)

Quy chế xem xét “lợi ích công cộng” khi quyết định có áp thuế chống bán phá giá là một cách thức áp thuế theo đó thuế chỉ được áp dụng khi việc này phù hợp với lợi ích công cộng của nước nhập khẩu, mà chủ yếu là lợi ích của các nhóm liên quan như người tiêu dùng, các ngành sản xuất liên quan, lợi ích chung của nền kinh tế. Đây tuy không phải là một nguyên tắc của Hiệp định ADA nhưng là một thông lệ được sử dụng ở một số nước thành viên WTO (với những tên gọi khác nhau, ví dụ lợi ích cộng đồng, lợi ích quốc gia...).

Đối với Việt Nam, trong hoàn cảnh khả năng bị áp thuế là rất lớn, với mức thuế cao trong các vụ kiện chống bán phá giá (do Việt Nam chưa được công nhận là nền kinh tế thị trường), việc xem xét “lợi ích công cộng” mỗi khi nước nhập khẩu ra quyết định có áp thuế chống bán phá giá hay không và nếu áp thuế thì theo mức nào là một cơ hội có ý nghĩa cho Việt Nam. Qua thủ tục này, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có thể hy vọng thoát khỏi thuế chống bán phá giá (không bị áp thuế) hoặc giảm gánh nặng từ việc bị áp thuế (mức thuế thấp hơn biên độ phá giá). Tất nhiên nước nhập khẩu vẫn hoàn toàn có quyền quyết định việc áp thuế và

---

sản xuất nội địa nước nhập khẩu mà là vì nguy cơ lớn đến từ Trung Quốc, “công xưởng thế giới”, mà Việt Nam không may lại sản xuất, xuất khẩu cùng mặt hàng, cùng thị trường mặc dù với tỷ trọng thấp hơn nhiều (ví dụ vụ giấy mùi da ở EU; vụ việc xem xét gia hạn cơ chế giám sát hàng dệt may Việt Nam của Hoa Kỳ và nguy cơ kiện chống bán phá giá hàng dệt may tại thị trường này). Bản thân các đơn vị liên quan trong những trường hợp này cũng thừa nhận mối quan ngại của họ là Trung Quốc chứ không phải Việt Nam. Vì vậy, nếu không đạt được giải pháp tốt nhất là thuyết phục các nước này nhận thức được sự khác biệt giữa nhập khẩu từ Việt Nam và nhập khẩu từ Trung Quốc và nếu không may vướng vào những vụ kiện “chùm” thì lesser duty sẽ là một cơ hội quan trọng với Việt Nam để phân biệt mình với Trung Quốc và có thể giảm bớt thiệt hại trong những vụ việc như vậy.

mức thuế cuối cùng nhưng việc họ buộc phải xem xét các lợi ích công cộng là một cơ hội để Việt Nam có thể thực hiện các hoạt động vận động Chính phủ và các đối tượng liên quan cùng lợi ích với Việt Nam tại nước nhập khẩu để đạt được kết quả khả quan nhất có thể.

Vì vậy, trong đàm phán sửa đổi, Việt Nam nên ủng hộ ***việc bổ sung quy định bắt buộc (hoặc nếu không được thì là tùy nghi) về việc xem xét các lợi ích công cộng*** khi quyết định việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (cùng với đó là các quy định cụ thể về các loại lợi ích công cộng tối thiểu cần xem xét, các thủ tục để xem xét các lợi ích này trong đó có việc tiếp nhận bình luận từ các đối tượng liên quan...). Nguyên tắc này nếu không được áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên WTO thì cũng cần được áp dụng riêng cho nhóm nước đang phát triển khi bị kiện chống bán phá giá ở nước ngoài.

#### **(v) Thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá**

Theo quy định tại Hiệp định ADA, biện pháp chống bán phá giá chính thức sẽ không kéo dài quá 5 năm trừ khi nước nhập khẩu, qua điều tra (rà soát hoàng hôn) xác định rằng việc chấm dứt biện pháp chống bán phá giá sẽ khiến cho hiện tượng phá giá và thiệt hại tiếp diễn hoặc tái diễn (Điều 11). Trong đàm phán sửa đổi ADA, rất nhiều luồng ý kiến về việc điều chỉnh bổ sung quy định này đã được đưa ra (kéo dài thời hạn áp dụng tối đa từ 5 năm lên 10 năm, chấm dứt tự động sau 5 năm...).

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, với những gánh nặng lớn về tài chính mà thuế chống bán phá giá gây ra, thời hạn áp thuế càng được rút ngắn bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, do doanh nghiệp phải chịu rất nhiều thiệt hại từ việc áp thuế. Với lý do rất thực tiễn này, Việt Nam nên ủng hộ quan điểm ***chấm dứt tự động biện pháp chống bán phá giá không quá 5 năm kể từ khi áp dụng trong mọi trường hợp*** (mà không trao quyền tự quyết cho cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu trong việc xem xét xem có nên áp dụng tiếp 5 năm hay không).

#### **(vi) Quy chế ưu tiên cho các nước đang phát triển**

Hiệp định ADA hiện tại đã dành Điều 15 để đề cập về các ưu tiên dành cho các nước đang phát triển trong các vấn đề về chống bán phá giá (việc áp dụng các biện pháp có tính xây dựng, việc xem xét một cách đặc biệt, hỗ trợ kỹ thuật...). Tuy nhiên những nội dung này đã không có hiệu quả nhiều trong thực tiễn bởi các quy định còn quá chung chung, không rõ ràng (vì thế đã xuất hiện nhiều tranh cãi trong việc giải thích các quy định này trong khuôn khổ WTO<sup>9</sup>). Hơn nữa, những

---

<sup>9</sup> Ví dụ:

Trong quyết định của Ban hội thẩm WTO ngày 30/10/2000 về vụ việc tranh chấp giữa EU và Ấn Độ liên quan đến biện pháp áp thuế chống bán phá giá sản phẩm nhập khẩu Cotton – Type Bed Lien từ Ấn Độ (EC

quy định chủ yếu là tùy nghi, mang tính khuyến nghị các nước phát triển dành sự đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước đang phát triển.

Trong đàm phán sửa đổi ADA, nhiều đề xuất đã được đưa ra, theo hướng tương đối thống nhất là làm rõ hơn các quy định trong Điều 15 để những ưu tiên dành cho các nước đang phát triển được chi tiết hơn, thực tiễn hơn, dễ dự đoán và từ đó hiệu quả hơn trong thực tế áp dụng, đặc biệt trong các nội dung:

- Nội hàm, phạm vi áp dụng của các thuật ngữ (và đồng thời cũng là những hình thức ưu tiên cho nước xuất khẩu với tư cách là bên bị kiện khi nước nhập khẩu là nước đang phát triển): “special regard”, “special circumstances”, “constructive remedies” – việc làm rõ cần đi theo hướng áp dụng những án lệ của WTO về những vấn đề này và giải thích theo hướng rộng, có lợi cho các nước đang phát triển;
- Quyền của nước đang phát triển (với tư cách là bên điều tra) trong việc hỗ trợ kỹ thuật cho ngành sản xuất trong nước đáp ứng các yêu cầu về đơn kiện và theo kiện;
- Đưa các ngưỡng “de minimis” (cho biên độ phá giá tối thiểu) và “negligible” (cho lượng xuất khẩu tối thiểu) lên cao hơn so với quy định hiện nay cho các trường hợp nước xuất khẩu là nước đang phát triển;

Là một nước đang phát triển, với những đề xuất về việc **mở rộng và chi tiết hóa các quy định ưu tiên cho nước đang phát triển**, Việt Nam cần thể hiện thái độ **ủng hộ** tích cực. Với xu hướng đang lên trong vị thế và trọng lượng tiếng nói của các nước đang phát triển trong WTO, những đề xuất này có nhiều khả năng đạt được thống nhất hơn các trường hợp sửa đổi khác. Chính vì vậy, trong quá trình đàm phán, Việt Nam có thể cân nhắc một số thỏa hiệp, nếu cần, ví dụ nếu vấn đề lesser duty hay public interest được đưa vào Điều 15 như một hình thức ưu

---

– *Bed Linnen*), Ban Hội thẩm đã cho rằng việc từ chối của EC trong việc xem xét một cách thận trọng về đề nghị cam kết giá của Ấn Độ là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 15.

Quyết định nêu trên của Ban Hội thẩm có thể gợi mở cho các nước đang phát triển, dựa trên những thuật ngữ “chiếu cố đặc biệt” (special regard) và “biện pháp khắc phục thương mại có tính chất xây dựng” (constructive remedies) của Điều 15, để đưa ra các đề xuất về những đối xử ưu tiên trong quá trình điều tra không chỉ giới hạn là biện pháp cam kết giá mà nó có thể là khả năng áp dụng mức thuế thấp hơn theo quy định tại Điều 9 hoặc là những phương thức tiếp cận khác trong việc rà soát theo quy định tại Điều 11.

Tuy nhiên, trong một vụ việc khác liên quan đến tranh chấp giữa Hoa Kỳ và Hàn Quốc (*U.S. – Steel Plate*), một Ban Hội thẩm khác lại cho rằng Điều 15 không áp đặt “nghĩa vụ chung hoặc cụ thể” đối với các nước thành viên trong việc thực hiện bất kỳ các hành động cụ thể nào. Ban Hội thẩm cũng cho rằng việc trao đổi giữa Hoa Kỳ và Ấn Độ về một khả năng “thỏa thuận đình chỉ” cũng đã thỏa mãn được yêu cầu “xem xét tỉ mỉ” biện pháp khắc phục thương mại có tính chất xây dựng như quy định tại Điều 15<sup>9</sup>.

Tuy nhiên, để có được biện pháp khắc phục thương mại có tính chất xây dựng từ các nước phát triển, các nước đang phát triển cần phải vượt qua hai trở ngại thực tế. Trở ngại thứ nhất, nghĩa vụ của Điều 15 chỉ là “xem xét tỉ mỉ”, không phải là tất nhiên phải chấp nhận, biện pháp khắc phục thương mại có tính chất xây dựng. Trở ngại thứ hai, nghĩa vụ áp dụng khi việc áp dụng thuế chống bán phá giá dự kiến tác động đến một “lợi ích cơ bản” của nước đang phát triển. Tuy nhiên, như thế nào được coi là một “lợi ích cơ bản”? cần phải có những tiêu chí hoặc điều kiện nào cần có để thỏa mãn yêu cầu “cơ bản”? có thể nói quy định này là khá mơ hồ và mang tính chất định tính nhiều, tùy thuộc vào việc áp dụng và diễn giải của cơ quan điều tra của nước nhập khẩu và thậm chí là của Ban Hội thẩm WTO.

tiên bắt buộc với các nước bị kiện là nước đang phát triển thì việc không sửa đổi Điều 9 và 11 theo hướng này cũng có thể chấp nhận được.

## 2. Nhóm các đề xuất sửa đổi khác

Là văn bản nhận được nhiều đề xuất sửa đổi nhất từ các nước thành viên WTO trong số các văn bản pháp lý của WTO được xem xét sửa đổi trong Vòng Đàm phán Doha, Dự thảo sửa đổi Hiệp định ADA hiện đang rất phức tạp với nhiều nhóm đề xuất chi tiết, và phần nhiều trong số đó mâu thuẫn nhau giữa các nhóm nước. Việc xem xét tất cả các đề xuất sửa đổi là rất khó và không hiệu quả (trong hoàn cảnh các đề xuất sửa đổi không đi theo cùng một hướng tiếp cận và lời văn rất phức tạp).

Vì vậy, phần dưới đây chỉ phân tích sơ lược về một số đề xuất sửa đổi có ý nghĩa đối với Việt Nam và những gợi ý về quan điểm mà Việt Nam nên có về vấn đề liên quan.

Vấn đề	Đề xuất	Tác động	Nước ủng hộ/ phản đối	Quan điểm của VN
<b>Tư cách bên khởi kiện</b>	Yêu cầu cao hơn về tư cách bên khởi kiện	Có lợi cho bên bị kiện	Nam Phi	Ủng hộ
<b>Đánh giá mỗi quan hệ nhân quả</b>	Chỉ cần chứng minh bán phá giá có ảnh hưởng không kém hơn ảnh hưởng từ các yếu tố khác đến thiệt hại	Bất lợi cho bên bị kiện	Nam Phi	Không ủng hộ
	Không cần phải đánh giá tác động của các hàng hoá nhập khẩu hay các yếu tố khác “một cách riêng rẽ hoặc gộp chung lại” và không cần xác định là liệu “tác động của hàng hoá nhập khẩu có là lớn hơn các tác động của các yếu tố khác được biết đến dù là riêng rẽ hay gộp chung lại”	Bất lợi cho bên bị kiện	Ai Cập (Ai cập hiện đi kiện nhiều)	Không ủng hộ
	Cấm cơ quan quản lý không được đổ lỗi cho hàng hoá nhập khẩu bán phá giá những thiệt hại do các yếu tố được biết đến khác gây ra	Có lợi cho bên bị kiện	Hoa Kỳ	Ủng hộ

	Cần có quyết định cụ thể là hàng hoá nhập khẩu bán phá giá gây ra thiệt hại “dù cho có các tác động của các yếu tố được biết đến khác”	Minh bạch	Hoa Kỳ	Ủng hộ
	Cơ quan quản lý không cần lượng hoá các tác động có hại mà có thể là do lỗi của hàng hoá nhập khẩu bán phá giá và các yếu tố khác và cũng không cần so sánh các tác động thiệt hại do hàng hoá nhập khẩu bán phá giá trong mối tương quan với các yếu tố khác	Bất lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Không ủng hộ
<b>Vấn đề ngành sản xuất nội địa đang hình thành</b>	Đưa vào khái niệm này cả các ngành sản xuất đang tái tổ chức lại hoặc có mức độ phát triển thương mại hạn chế	Bất lợi cho bên bị kiện	Nam Phi	Không ủng hộ
<b>Phạm vi hàng hóa bán phá giá</b>	Không bao hàm hàng hóa của các nhà sản xuất đã được kết luận là không bán phá giá hoặc de minimis	Có lợi cho bên bị kiện	Nam Phi	Ủng hộ
<b>Quyền khởi xướng điều tra ex officio</b>	Cấm	Có lợi cho bên bị kiện	Canada, Nam Phi	Ủng hộ
<b>Minh bạch</b>	Tăng cường		Canada, Nam Phi, Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan	Ủng hộ
	Số đăng ký công khai tất cả các biện pháp AD đang có hiệu lực (thông tin chi tiết về biện pháp và sản phẩm liên quan) tại mỗi nước – Bản sao trình hàng năm cho Ban Thư ký	Có lợi cho bên bị kiện	Hồng Kông	Ủng hộ

	Quy tắc cụ thể về tiếp cận thông tin và hồ sơ được cơ quan quản lý duy trì	Có lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Ủng hộ
	Việc ra quyết định của cơ quan chức năng phải minh bạch	Có lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Ủng hộ
<b>Kết luận sơ bộ</b>	Phải nêu rõ có áp dụng biện pháp tạm thời ko	Có lợi cho bên bị kiện	Nam Phi	Ủng hộ
<b>Biện pháp tính biên độ phá giá</b>	Phải sử dụng thống nhất trong điều tra ban đầu cũng như các thủ tục sau đó	Tăng cường tính nhất quán, minh bạch	Nhật	Ủng hộ
<b>Thời gian điều tra, rà soát</b>	Không quá 1 năm	Minh bạch và giảm thiểu sự không rõ ràng, không ổn định của thị trường	Nhật	Ủng hộ
<b>Yêu cầu bị đơn cung cấp thông tin do các affiliated parties giữ</b>	- Chỉ khi nào bị đơn đó có quyền kiểm soát thực tế đối với affiliated đó (sở hữu trên 50% vốn, nắm giữ trên 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết - Không được yêu cầu cung cấp thông tin trong các trường hợp khác.	Nên ủng hộ (Do công bằng và minh bạch)	Nhật	Ủng hộ
	Cho phép cơ quan quản lý nhà nước có được các bên liên quan cung cấp thông tin tại bên thứ ba liên kết	Bất lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Không ủng hộ
<b>Cam kết về giá</b>	Mở rộng diện sử dụng, hợp lý hóa cách thức sử dụng - Nhà XK cần được thông tin về quyền được có cam kết giá, được yêu cầu điều chỉnh giá tối thiểu khi có thay đổi tình hình; - Hạn chế đối với cơ quan chức năng trong việc từ chối đề nghị cam kết giá (chỉ dựa trên đúng sai, không dựa trên chính sách, chỉ được rút lại cam kết giá sau khi đã cân nhắc đặc biệt thận trọng)	Minh bạch hơn Có lợi cho bên bị kiện	Hồng Kông, Trung quốc, Mexico, Na uy, Thụy sĩ, Đài loan và Thái lan	Ủng hộ
	Bỏ đi việc khuyến khích cam kết tăng giá ở mức thấp hơn biên độ phá giá.	Bất lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Không ủng hộ

<b>Khởi kiện và kết thúc điều tra</b>	Khởi kiện: - Làm rõ yêu cầu “đủ chứng cứ”, và phải đủ chứng cứ về cả 3 yếu tố trước khi có quyết định điều tra; - Quyết định điều tra không được dựa trên suy luận hoặc không có sự kiểm tra thông tin bên kiện cung cấp dựa trên thông tin công khai khác	Có lợi cho bên bị kiện	Chi lê và Hồng Kông, Trung Quốc	Ủng hộ
<b>“Thông tin sẵn có” (fact available)</b>	Không ủng hộ thay đổi	Bất lợi cho bên bị kiện	Ai cập	Không ủng hộ
<b>Sản phẩm đang được xem xét</b>	Chi bao gồm các sản phẩm nhập khẩu mà có cùng “các đặc điểm vật lý như nhau”	Có lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Ủng hộ
<b>Điều tra mới</b>	Không được phép khởi kiện trong thời gian một năm kể từ khi có quyết định cuối cùng là không có bán phá giá đối với cùng sản phẩm; nhưng lại được phép khi tình hình có thay đổi	Có lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Ủng hộ
<b>Bảng câu hỏi</b>	Yêu cầu cơ quan quản lý phải có phản hồi đối với các câu trả lời theo mẫu câu hỏi từ các bên	Có lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Ủng hộ
<b>Biện pháp tạm thời</b>	Tăng thời hạn áp dụng các biện pháp tạm thời lên 6 hoặc 9 tháng	Bất lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch	Không ủng hộ
<b>Thủ tục thu thuế</b>	Việc quyết định mức thuế và thu thuế phải chính xác và minh bạch hơn	Có lợi cho bên bị kiện	Chủ tịch Hoa Kỳ	Ủng hộ
<b>Nhà xuất khẩu mới</b>	- Yêu cầu NXK mới chứng minh mình là người bán trung thực - Quy tắc cụ thể hơn về thủ tục	Bất lợi cho bên bị kiện Minh bạch hơn	Chủ tịch	Không ủng hộ việc đặt thêm điều kiện cho nhà XK mới Ủng hộ quy định về minh bạch

Trên đây là một số phân tích về các đề xuất sửa đổi quan trọng đối với Hiệp định chống bán phá giá của WTO và những tác động có thể có đối với Việt Nam (chủ yếu với tư cách bên bị kiện trong các vụ việc này) và những gợi ý về quan điểm đàm phán cũng như các lập luận cần có của Việt Nam đối với từng vấn đề từ góc độ lợi ích của Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nói chung.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam rất mong Chính phủ và Đoàn đàm phán của Chính phủ dành sự quan tâm và xem xét đầy đủ các gợi ý này nhằm bảo vệ tốt nhất và hợp lý nhất quyền lợi của Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp Việt nam nói riêng trong lĩnh vực rất quan trọng này./

**Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**